TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2025
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thuý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tòng Thị Thanh B, sinh ngày 14/7/1997. Số căn cước công dân: 01, ngày cấp: 18/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Bản A, xã A1, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (nay là bản A, phường A2, tỉnh Sơn La). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lò Hùng P, sinh ngày 21/01/1995. Số căn cước công dân: 00, ngày cấp: 22/12/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn C1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là tiểu khu C, xã C2, tỉnh Sơn La). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tòng Thị Thanh B trình bày như sau:

Chị và anh Lò Hùng P kết hôn với nhau từ năm 2018 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã A1, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (nay là phường A2, tỉnh Sơn La) theo quy định và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/4/2018. Anh chị đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh P không tu chí làm ăn. Từ tháng 9 năm 2023 thì anh chị đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh P đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Hùng P.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lò Như Q, sinh ngày 19/4/2018. Từ khi sống ly thân cháu Q sống cùng chị B. Chị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh P thường xuyên không có mặt tại địa phương nơi cư trú nên Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh P vẫn không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản ghi ý kiến anh Lò Hùng P qua số điện thoại 07XXXXXX40 có sự chứng kiến của ông Lò Văn S (bố đẻ anh P) và ông Nguyễn Xuân S1 (tiểu khu trưởng tiểu khu C): Anh P xác nhận anh và chị B là vợ chồng hợp pháp, có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện và đã được tổ chức cưới theo phong tục, tập quán. Anh P không nhất trí ly hôn do vẫn còn tình cảm với chị B và vì thương con. Anh P không cung cấp địa chỉ nơi làm việc hiện tại.

Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của chị B và anh P với ông Lò Văn S (bố đẻ anh P) và ông Nguyễn Xuân S1 (tiểu khu trưởng tiểu khu C1). Ông S và ông S1 đều xác nhận chị Tòng Thị Thanh B và anh Lò Hùng P tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã A, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La theo đúng quy định của pháp luật. Anh P và chị B chung sống không thấy có mâu thuẫn gì lớn, chị B hiện đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại bản A, xã A1, thành phố Sơn La,

tỉnh Sơn La sinh sống. Gia đình anh P mong muốn Toà án hoà giải cho anh P và chị B quay lại đoàn tụ.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 27/3/2025 đối với cháu Lò Như Q: cháu Q xác nhận hiện đang sống cùng mẹ và ông bà ngoại; cháu Q xin được ở cùng mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Do anh P vắng mặt tại địa phương và các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi chủ toạ công bố đơn xin xét xử vắng mặt của chị B, lý do vắng mặt của anh P và công bố tóm tắt nội dung vụ án, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Tòng Thị Thanh B được ly hôn với anh Lò Hùng P.

+ Về con chung: Giao cháu Lò Như Q, sinh ngày 19/4/2018 cho chị Tòng Thị Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chấp nhận việc chị B không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

+ Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chấp nhận việc chị Tòng Thị Thanh B không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung vợ chồng.

+ Về án phí: Chị Tòng Thị Thanh B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Tòng Thị Thanh B về việc xin ly hôn với anh Lò Hùng P. Chị B đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 4 thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Tòng Thị Thanh B và anh Lò Hùng P tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2018, anh chị đã được UBND xã A1, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (nay là phường A2, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/4/2018. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do hai anh chị có nhiều bất đồng trong quan điểm, lối sống, anh P không tu chí làm ăn. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai anh chị không thể tiếp tục chung sống nên có nguyện vọng xin ly hôn với anh Lò Hùng P. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại gia đình anh P và tại địa phương nơi cư trú của anh P sinh sống cũng thể hiện vợ chồng anh chị có mâu thuẫn với nhau, anh P hiện vắng mặt tại địa phương, không thông báo nơi cư trú hiện nay; chị B hiện đang sống cùng bố mẹ đẻ tại bản A, phường A1, tỉnh Sơn La; hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh P mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được,

do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Tòng Thị Thanh B và anh Lò Hùng P.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh P có 01 con chung là cháu Lò Như Q, sinh ngày 19/4/2018. Từ khi chị B và anh P sống ly thân, cháu Q sống cùng chị B. Chị B có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Hội đồng xét xử xét thấy: chị B có nơi cư trú rõ ràng, cháu Q có nguyện vọng ở cùng chị B và hiện tại anh P không có mặt tại đia phương, anh P không cung cấp địa chỉ hiện tại. Vì vậy, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt cho cháu Q, cần chấp nhận nguyện vọng của chị B, giao cháu Lò Như Q, sinh ngày 19/4/2018 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Chấp nhận việc chị B không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị B khai chị và anh P không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Toà án giải quyết. Anh P không có ý kiến, yêu cầu cụ thể. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí: Chị Tòng Thị Thanh B không thuộc các trường hợp được miễn, giảm án phí nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tòng Thị Thanh B và anh Lò Hùng P.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Như Q, sinh ngày 19/4/2018 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chấp nhận việc chị B không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Anh P, chị B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, anh P được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chấp nhận việc chị B không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung vợ chồng và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Tòng Thị Thanh B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002415 ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Sơn La).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND KV4, tỉnh Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND phường Chiềng An, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Phương Thúy